TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 15-8-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Lê Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018; tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2018, về "Ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2018/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Ấp T5, xã T6, huyện T7, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn: Bà* Phùng Thị Mỹ L, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ T1, ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số N1 đường N2, huyện N3, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Phạm Đức M – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh T4 (Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Hồ Huy C – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh (Theo giấy ủy quyền lại ngày 29/3/2018), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phùng Thị Mỹ L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Phùng Thị Mỹ L chung sống như vợ chồng từ năm 1991, đăng ký kết hôn năm 2003. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng hơn từ cuối năm 2015. Nguyên nhân: Do ông đi làm xa phải thuê nhà trọ ở, ít khi được về nhà nhưng mỗi lần về bà L không quan tâm đến ông; vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tháng 11-2017, ông nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó ông rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn nhưng cũng không hàn gắn được. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tiểu Th, sinh năm 1995 và Nguyễn Minh Q, sinh năm 1997. Các con đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng N chi nhánh T4 số tiền 30.000.000 đồng, chưa đến hạn trả, sau này Ngân hàng có yêu cầu thì ông và bà L có trách nhiệm cùng trả.

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc, bị đơn – bà Phùng Thị Mỹ L trình bày: Bà thống nhất lời bình bày của ông Trung về quá trình sống chung, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn như ông Trung trình bày là không đúng. Bà vẫn quan tâm chăm sóc cho ông Trung mỗi khi ông Trung đi làm xa về, bà vẫn thường xuyên gọi điện thoại cho ông Trung để hỏi thăm. Bà thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, ông bà không bàn bạc hàn gắn gia đình. Ông Trung yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì ông bà vẫn còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu được đoàn tụ.

Trường hợp ly hôn thì về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng N chi nhánh T4 số tiền 30.000.000 đồng, sau này Ngân hàng có yêu cầu thì bà và ông Trung có trách nhiệm cùng trả.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N – ông Hồ Huy C trình bày: Ngày 20-12-2017, ông Trung và bà L có vay Ngân hàng 30.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 9,8 %/ năm. Ông Trung có đơn yêu cầu

ly hôn với bà L, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết số nợ trên vì hợp đồng vay chưa đến hạn. Nếu sau này ông Trung, bà L không trả nợ, Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 51/2018/HNGĐ-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định: Căn cứ các Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Phùng Thị Mỹ L. Ông Trung được ly hôn với bà L.

Về con chung: Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trung, bà L và Ngân hàng N không yêu cầu nên không giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31-5-2018, bà Phùng Thị Mỹ L kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Trung.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nếu ông Trung giao toàn bộ tài sản cho các con thì bà đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà L; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Bà L và ông Trung đều thừa nhận trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2015. Bà L yêu cầu được đoàn tụ nhưng không nêu ra được biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn. Năm 2017, ông Trung đã khởi kiện yêu cầu ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng không thể sống chung. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà L trình bày

nếu ông Trung giao hết tài sản là nhà, đất cho con thì bà đồng ý ly hôn. Như vậy, việc bà L yêu cầu đoàn tụ không phải xuất phát từ mục đích tình cảm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng ông Trung, bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên chấp nhân yêu cầu ly hôn của ông Trung là có căn cứ; yêu cầu kháng cáo của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Mỹ L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Phùng Thị Mỹ L. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Phùng Thị Mỹ L.

- Về con chung: Có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Tiểu Th, sinh năm 1995 và anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1997, tất cả đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trung và bà L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trung, bà L và Ngân hàng N không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013071 ngày 06-02-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Phùng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ghi nhận bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0013473, ngày 31-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu ;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Văn Thinh